

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp thuốc, vật tư y tế.

Hiện nay, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá đang có nhu cầu mua sắm các mặt hàng thuốc, vật tư y tế để cung ứng cho Nhà thuốc bệnh viện. Bệnh viện đề nghị các nhà cung cấp có quan tâm gửi thông tin về các mặt hàng thuốc, vật tư y tế đang kinh doanh cho bệnh viện. Chi tiết danh mục thuốc, vật tư y tế mời quan tâm như trong **Phụ lục 1** đính kèm.

Ngoài ra các nhà cung cấp có thể bổ sung thêm các mặt hàng đang kinh doanh tương tự các mặt hàng mời quan tâm, phù hợp với nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện Ung bướu để bệnh viện tham khảo, xét chọn.

Hồ sơ xét chọn gồm 2 phần: Hồ sơ pháp lý, năng lực công ty và hồ sơ sản phẩm. Hướng dẫn chi tiết quy định tại **Phụ lục 2**.

Cách thức nhận hồ sơ:

- Bản mềm: Danh mục hàng hoá đề nghị xét chọn (theo mẫu). Gửi về địa chỉ Email: khoaduocbvubth@gmail.com.

- Bản cứng hồ sơ: Hồ sơ pháp lý, năng lực công ty và hồ sơ sản phẩm.

+ Nhận trực tiếp: Khoa Dược - VTYT. Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá. Địa chỉ: Ngõ 958, Quang Trung, Phường Đông vệ, TP. Thanh Hoá.

+ Họ và tên người tiếp nhận: DSKKI. Nguyễn Văn Thành.

+ Số điện thoại liên hệ: 0329.121.430

- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trước 17h00 thứ 6 ngày 14/02/2025.

Rất mong sự hồi đáp của các Quý công ty, xin trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; KD.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thiết

PHỤ LỤC 1.1 Danh mục thuốc mời quan tâm tại Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá năm 2025

(Kèm Thông báo mời quan tâm Số **06** /TB-BVUB ngày **21/01** /2025 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa)

Mã số	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIẢM CƠ, GIẢI GIÃN CƠ						
NT2025.001	Levobupivacain	Nhóm 4	50mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.002	Propofol	Nhóm 1	5mg/ml; 20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP						
NT2025.003	Alpha chymotrypsin	Nhóm 4	8400UI	Uống	Viên	Viên
NT2025.004	Alpha chymotrypsin	Nhóm 4	8400UI	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.005	Alpha chymotrypsin	Nhóm 4	4200UI	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.006	Aescin	Nhóm 2	40mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.007	Aescin	Nhóm 4	50mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.008	Etoricoxib	Nhóm 1	60mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.009	Ibuprofen + codein	Nhóm 1	200mg + 30mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.010	Fentanyl	Nhóm 1	4,2mg	Dán ngoài da	Miếng dán	Miếng
NT2025.011	Morphin	Nhóm 4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống
NT2025.012	Morphin	Nhóm 4	30mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.013	Paracetamol + tramadol	Nhóm 4	325mg + 37,5mg	Uống	Viên sủi	Viên
NT2025.014	Paracetamol + tramadol	Nhóm 1	325mg + 37,5mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.015	Alendronat natri + cholecalciferol (Vitamin D3)	Nhóm 2	70mg + 2800IU	Uống	Viên sủi	Viên
3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẮN						
NT2025.016	Ebastin	Nhóm 4	5mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
4. THUỐC GIẢI ĐỘC VÀ CÁC THUỐC DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP NGỘ ĐỘC						
NT2025.017	Acetylcystein	Nhóm 4	2g	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ
NT2025.018	Glutathion	Nhóm 1	600mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
NT2025.019	Glutathion	Nhóm 4	900mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
NT2025.020	Glutathion	Nhóm 4	1200mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
NT2025.021	Meglumin natri succinat	Nhóm 5	6g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai
NT2025.022	Sugammadex	Nhóm 4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống
5. THUỐC CHỐNG CO GIẬT, CHỐNG ĐỘNG KINH						
NT2025.023	Gabapentin	Nhóm 4	300mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
6. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN						
NT2025.024	Amoxicilin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.025	Amoxicilin + acid clavulanic	Nhóm 4	1000mg + 62.5mg	Uống	Viên	Viên

Mã số	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
NT2025.026	Amoxicilin + sulbactam	Nhóm 4	875mg + 125mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên
NT2025.027	Cefixim	Nhóm 1	400mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.028	Cefpodoxim	Nhóm 2	200mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.029	Cefpodoxim	Nhóm 3	200mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.030	Cefpirom	Nhóm 2	2g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống
NT2025.031	Doripenem	Nhóm 4	0,5g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống
NT2025.032	Imipenem + cilastatin*	Nhóm 4	0,75g + 0,75g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.033	Clarithromycin	BDG	500mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.034	Clarithromycin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.035	Ciprofloxacin	BDG	500mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.036	Tenofovir (TDF)	Nhóm 2	300mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.037	Fluconazol	Nhóm 4	200mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.038	Azithromycin	BDG	500mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.039	Cefprozil	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.040	Cefprozil	Nhóm 4	250mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.041	Cefditoren	Nhóm 3	400mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.042	Nystatin + Di-iodohydroxyquin + Benzalkonium chloride	Nhóm 5	100.000 IU + 100mg + 7mg	Dùng ngoài, đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên
8. THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÀ ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH						
NT2025.043	Capecitabin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.044	Cisplatin	Nhóm 4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.045	Docetaxel	Nhóm 4	20mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.046	Docetaxel	Nhóm 4	80mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.047	Fluorouracil (5-FU)	Nhóm 4	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.048	Gemcitabin	Nhóm 4	1g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.049	Irinotecan	Nhóm 4	100mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.050	Irinotecan	Nhóm 4	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.051	Oxaliplatin	Nhóm 4	150mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.052	Oxaliplatin	Nhóm 4	50mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.053	Pemetrexed	Nhóm 2	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.054	Vincristin sulfat	Nhóm 2	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.055	Abiraterone acetate	Nhóm 2	250mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.056	Anastrozol	Nhóm 1	1mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.057	Goserelin acetat	BDG	3,6mg	Tiêm	Thuốc cấy dưới da	Bơm tiêm
NT2025.058	Tamoxifen	BDG	20mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.059	Pembrolizumab	Nhóm 1	100mg/4ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói

Mã số	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
NT2025.060	Ribociclib (dưới dạng Ribociclib succinate)	Nhóm 5	200mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.061	Osimertinib	BDG	80mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.062	Osimertinib	BDG	40mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.063	Durvalumab	Nhóm 1	500mg/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.064	Olaparib	Nhóm 1	100mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.065	Olaparib	Nhóm 1	150mg	Uống	Viên	Viên
9. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐƯỜNG TIẾT NIỆU						
NT2025.066	Dutasterid	BDG	0,5mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.067	Lipidosterol serenoarepense (Lipid-sterol của Sercnoa repens)	Nhóm 1	160mg	Uống	Viên nang	Viên
11. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU						
NT2025.068	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	Nhóm 4	50mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.069	Enoxaparin (natri)	BDG	40mg/0,4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói/ Bơm tiêm
NT2025.070	Tranexamic acid	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.071	Albumin	Nhóm 1	200g/l; 50ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
NT2025.072	Filgrastim	Nhóm 4	30MU/0,5 ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Bơm tiêm
NT2025.073	Ferrous gluconate	Nhóm 1	300mg	Uống	Viên	Viên
12. THUỐC TIM MẠCH						
NT2025.074	Amlodipin + lisinopril	Nhóm 3	5mg + 10mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.075	Atorvastatin	Nhóm 4	30mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.076	Nimodipin	Nhóm 4	30mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.077	Omega-3-acid ethyl esters	Nhóm 4	1000mg	Uống	Viên nang	Viên
14. THUỐC DỪNG CHẨN ĐOÁN						
NT2025.078	Ethyl ester của acid béo iod hóa trong dầu hạt thuốc phiện	Nhóm 1	480mg/ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống
15. THUỐC TẨY TRÙNG VÀ SÁT KHUẨN						
NT2025.079	Povidon iodin	Nhóm 1	10% kl/tt, 125ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.080	Povidon iodin	Nhóm 1	10% kl/tt, 30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.081	Povidon iodin	Nhóm 1	1% kl/tt, 125ml	Dùng ngoài	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
16. THUỐC LỢI TIỂU						

Mã số	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
NT2025.082	Spironolacton	Nhóm 2	25mg	Uống	Viên	Viên
17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA						
NT2025.083	Lansoprazol	Nhóm 1	30mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.084	Omeprazol	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên
NT2025.085	Esomeprazol	BDG	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.086	Esomeprazol	BDG	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên
NT2025.087	Rabeprazol	Nhóm 5	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên
NT2025.088	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Nhóm 4	800 mg; 400 mg; 80 mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.089	Sucralfat	Nhóm 2	1g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.090	Granisetron hydroclorid	Nhóm 4	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.091	Ondansetron	Nhóm 1	8mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.092	Tiropramid hydroclorid	Nhóm 2	100mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.093	Lactulose	Nhóm 4	5,025g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.094	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Nhóm 4	18,765g + 4,275g	Uống, thực hậu môn/ trực tràng, dùng ngoài	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.095	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Nhóm 4	21,41g + 7,89g	Thực hậu môn/ trực tràng, dùng ngoài	Thuốc thực hậu môn/trực tràng	Chai/Lọ/Ống
NT2025.096	Sorbitol	Nhóm 4	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
NT2025.097	L-Ornithin - L-aspartat	Nhóm 1	5g	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.098	Simethicon	Nhóm 1	40mg/ml; 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.099	Simethicon	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.100	Silymarin	Nhóm 1	140mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.101	Arginin hydroclorid	Nhóm 4	400mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.102	Arginin hydroclorid	Nhóm 4	800mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.103	Phospholipid đậu nành	Nhóm 5	450mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.104	L-Ornithin L-Aspartat	Nhóm 4	200mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.105	Almagat	Nhóm 2	1,5g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Gói

Mã số	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
NT2025.106	Lactobacillus acidophilus, Bifidobacterium longum, Lactobacillus rhamnosus	Nhóm 4	10 mũ 8 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT						
NT2025.107	Methyl prednisolon	Nhóm 1	16mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.108	Methyl prednisolon	BDG	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.109	Progesteron	Nhóm 1	10mg/g x 80g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp/Lọ/Ống/Túi
NT2025.110	Levothyroxin (muối natri)	BDG	50mcg	Uống	Viên	Viên
NT2025.111	Levothyroxin (muối natri)	BDG	100mcg	Uống	Viên	Viên
NT2025.112	Thiamazol	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên
24. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH						
NT2025.113	Acid thiocctic (Meglumin thioctat)	Nhóm 2	600mg	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.114	Acetyl leucin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.115	Acetyl leucin	Nhóm 1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.116	Piracetam	Nhóm 4	1.200mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP						
NT2025.117	Ambroxol	Nhóm 1	30mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.118	N-acetylcystein	Nhóm 4	200mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống
NT2025.119	Acetylcystein	Nhóm 4	1000mg	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/Lọ/Ống
NT2025.120	Erdosteine	Nhóm 2	300mg	Uống	Viên nang	Viên
26. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC						
NT2025.121	Acid amin*	Nhóm 1	7,58%; 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
NT2025.122	Acid amin*	Nhóm 1	10%; 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.123	Acid amin*	Nhóm 4	6,1%; 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.124	Acid amin*	Nhóm 1	7%; 250 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.125	Acid amin + glucose + lipid	Nhóm 2	8%+ 16%+ 20%; 375 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.126	Acid amin + glucose + lipid	Nhóm 2	11,3% + 11% + 20%; 384ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.127	Acid amin + glucose + lipid	Nhóm 2	11,3% + 11% + 20%; 1440ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói

Mã số	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
NT2025.128	Acid amin + glucose + lipid	Nhóm 2	11,3%+11%+20%; 1680ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.129	Acid amin + glucose + lipid	Nhóm 2	11,3% + 11% + 20%; 1920ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.130	Natri clorid	Nhóm 4	10%, 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN						
NT2025.131	Calci carbonat + vitamin D3	Nhóm 2	1250mg , 250IU	Uống	Viên	Viên
NT2025.132	Calci carbonat + vitamin D3	Nhóm 4	1500mg, 400IU	Uống	Viên	Viên
NT2025.133	Calci carbonat + vitamin D3	Nhóm 1	1500mg + 500IU	Uống	Viên	Viên
NT2025.134	Calcitriol	Nhóm 2	0,25 mcg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.135	Sắt clorid + kẽm clorid+ mangan clorid+ đồng clorid + crôm clorid+ natri molybdat dihidrat+ natri selenid pentahidrat+ natri fluorid + kali iodid	Nhóm 4	6,958mg + 6,815mg + 1,979mg + 2,046mg + 0,053mg + 0,0242mg + 0,0789mg + 1,26mg + 0,166mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.136	Calci glucoheptonat; Vitamin C; Vitamin PP	Nhóm 4	1100mg; 100mg; 50mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.137	Vitamin B6+ Vitamin PP+ Vitamin B5+ Vitamin B1+ Vitamin B2	Nhóm 4	10mg+ 50mg+25mg+15mg+1 5mg	Uống	Viên	Viên
28. THUỐC TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH						
NT2025.138	Thymomodulin	Nhóm 2	80mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.139	Levocarnitin	Nhóm 4	330mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.140	Levocarnitin	Nhóm 4	1g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
NT2025.141	Alanine, Serine, Glycine, Threonine, Phenylalanine, Glutamine, Leucine, Valine, Lysine Hydrochloride, Aspartic acid, Tyrosine, Isoleucine, Cysteine Hydrochloride, Histidine Hydrochloride, Proline	Nhóm 1	21mg, 35mg, 21mg, 28mg, 35mg, 140mg, 60,2mg, 42mg, 54,95mg, 43,4mg, 37,45mg, 35mg, 7mg, 28mg, 112mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.142	L-Arginine HCl + Thiamine HCl + Pyridoxine HCl	Nhóm 4	250mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên	Viên

Mã số	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
NT2025.143	Eicosapentaenoic acid; Docosahexaenoic acid; Omega - 3 marine triglycerides	Nhóm 1	60mg + 260mg + 320mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.144	Ubidecarenon	Nhóm 4	30mg	Uống	Viên nang	Viên
NT2025.145	Ubidecarenone + Vitamin E	Nhóm 4	100mg+12,31mg	Uống	Viên	Viên
NT2025.146	Selen + Crom + Acid ascorbic	Nhóm 4	25mcg + 50mcg + 50mg	Uống	Viên nang	Viên
	Tổng cộng: 146 khoản					

Handwritten signature



PHỤ LỤC 1.2 Danh mục vật tư y tế mời quan tâm tại Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá năm 2025

(Kèm Thông báo mời quan tâm Số **96** /TB-BVUB ngày **21 / 01** /2025 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa)

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			
VTYT.001	Băng gạc vô trùng không thấm nước	Miếng	Miếng dán ngoài vết thương dùng để bảo vệ và che phủ vết thương ngoài da. Không thấm nước. Kích thước: 10cm x 16cm (5cm x 10 cm); 11cm x 20cm (5cm x 15 cm); 12cm x 26cm (6cm x 20 cm); 5cm x 8cm (2cm x 4 cm).
VTYT.002	Băng thun y tế	Cuộn	Băng thun giãn rộng 10cm x dài ≥ 4.5 m. Độ co giãn 200%. Thành phần chính: Cotton 78,6%. Gạc terylene: 18%; Poly Butylene Telephthelen: 3,4%
VTYT.003	Băng dính y tế	Cuộn	Kích thước 2,5cm x 9,1m; Kích thước 5cm x 9,1m - Băng có cấu tạo nền vải lụa : 50 - 70%, Phủ lớp keo Acrylate (30- 50%), Polyme: < 1%, không chứa mùn cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Có thể được xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện - Bền chắc, thông thoáng cho da, chống thấm nước.
VTYT.004	Gạc phẫu thuật	Miếng	Đóng gói vô trùng bằng túi giấy y tế chuyên dụng. Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. Độ ẩm: Không quá 8%. Gạc phẫu thuật 10cmx10cmx 6 lớp; 7.5cm x7.5cm x6 lớp; 30cm x 40cm x 8 lớp
VTYT.005	Gạc PARAFFIN	Miếng	Gạc PARAFFIN vô trùng. Thành phần: Cotton (dệt hình lưới) và Vasaline trắng
VTYT.006	Miếng cầm máu tự tiêu	Miếng	Miếng xốp cầm máu tự tiêu Gelatin. Kích thước 80x50x10mm
Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh			
VTYT.007	Bơm cho ăn	Cái	Bơm tiêm nhựa dung tích 50ml, đốc xilanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Piston và vỏ bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không chứa độc tố DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Đóng gói vô trùng
VTYT.008	Bơm tiêm các loại 20ml/10ml/5ml	Cái	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 20ml/10ml/5ml. Đầu kim vát 3 cạnh. Thân kim: làm bằng thép không gỉ và không bị oxy hóa. Vỏ bơm tiêm: Làm bằng nhựa y tế, không có chất gây sốt, độc tố, kim loại nặng, không chứa DEHP. Đóng gói vô trùng
VTYT.009	Bơm truyền dịch tự động có PCA	Cái	Bơm truyền dịch được làm bằng vật liệu nhựa không Latex - Thể tích 300ml - Có khóa điều chỉnh 3 tốc độ: 3.0/5.0/8.0 ml/giờ; - Cổng bơm thuốc vào là loại van hai chiều. - Lọc khí: kích thước 0,2 μ m, không chỉ loại bỏ hết không khí ra ngoài mà còn cả bọt khí và các hạt nhỏ xuất hiện trong dung dịch thuốc với sự gia tăng nhiệt độ. - Có cân để đo được lượng thuốc trong bơm.
VTYT.010	Bơm truyền dịch tự động không PCA	Cái	Bơm truyền dịch được làm bằng vật liệu nhựa không Latex, có tốc độ truyền ổn định. - Thể tích: 200ml/300 ml - Có khóa điều chỉnh 3 tốc độ: 2.0/3.0/5.0 ml/giờ; 3.0/5.0/8.0 ml/giờ; - Cổng bơm thuốc vào là van hai chiều - Lọc khí: kích thước 0,2 μ m. - Có cân để đo được lượng thuốc trong bơm. - Tiệt trùng.

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.011	Bơm truyền dịch tự động sử dụng một lần	Cái	+ Dung tích $\geq 300\text{ml}$ + Dây dẫn $\geq 970\text{mm}$ + Tốc độ dòng liên tục: 2ml/h, 5ml/h + Chất liệu bóng chứa trong bình: Silicone + Áp suất trong bình: 6-9 PSI + Kích thước lỗ lọc hạt: 2 màng lọc 150 μm và 15 μm. + Kích thước lỗ lọc khí $\leq 1.2 \mu\text{m}$. + Vỏ ngăn tia cực tím + Thang đo thể tích nằm bên trong bóng. + Nắp đậy kết nối có màng $\leq 0.2 \mu\text{m}$.
VTYT.012	Bơm hút điều kinh	Bộ	Bộ điều kinh bao gồm ống hút điều kinh các cỡ từ 4 - 10. Piton được làm từ nhựa ABS màu trắng ngà. Xylanh làm từ nhựa PP màu trắng. Thân khóa được làm từ nhựa HDPE, màu trắng đục
VTYT.013	Kim luồn tĩnh mạch	Cái	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. - Khoảng báo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven . - Thời gian lưu kim 96 giờ. - 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min. - 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min. - 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min.
VTYT.014	Kim tiêm cầm máu	Cái	Kim tiêm cầm máu tiêu hóa, có chốt hãm được thiết kế tay cầm bằng chất liệu ergonomic với dạng nút bấm có thể khóa và mở bằng một tay một cách dễ dàng; đường kính 22G, 25G, - Đầu kim vát 3 cạnh tăng độ chính xác khi tiêm và không làm giãn tĩnh mạch hoặc xuất huyết khi rút kim. - Độ nhô đầu tip 4mm, 5mm, 6mm được làm bằng thép không gỉ. - Đường kính ống catheter 2.3mm, Chiều dài làm việc: 180cm, 230cm.
VTYT.015	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da	Cái	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da các loại, các cỡ / Kim dùng cho buồng tiêm cấy dưới da - ĐTKT: Kim dùng cho buồng tiêm cấy dưới da Cấu tạo gồm: kim Huber cong + kèm miếng đệm xóp, đường kính 0,7mm - 1,1mm, chiều dài 15mm - 35mm (19G-22G); Kim Huber an toàn áp lực dương tự động PPS Flow.

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.016	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Cái	Bộ gây tê ngoài màng cứng đầy đủ phụ kiện bao gồm 1. Kim 18G có cánh cầm 2. Bơm tiêm kháng lực 10ml, không latex. 3. Catheter 4. Đầu nối catheter dạng nắp bật, phẳng, đóng dút khoát. 5. Bộ lọc ngoài màng cứng, màng lọc hydrophilic 0.2µm, sử dụng 96h. 6. Dụng cụ kết nối dẫn đường catheter vào kim. * Tiệt trùng EO, không latex.
VTYT.017	Kim sinh thiết vú cỡ 9G	Cái	- Có hỗ trợ lực hút chân không - Kích cỡ đầu kim: 9G; - Khối lượng: 204g; - Kích thước tay kim: dài 26.83 cm, rộng 4.22 cm; - Chiều dài kim 12cm; - Đường kính ống ngoài: 4mm; - Đường kính ống trong: 3 mm; - Độ mở của lỗ cắt: 12mm, 20mm - Thời gian cắt: 4.5 giây - Có van chữ Y
VTYT.018	Kim sinh thiết vú cỡ 12G	Cái	- Có hỗ trợ lực hút chân không - Kích cỡ đầu kim: 12G; - Khối lượng: 204g; - Kích thước tay kim: dài 26.83 cm, rộng 4.22 cm; - Chiều dài kim 12cm; - Đường kính ống ngoài: 2.82mm; - Đường kính ống trong: 2.13mm; - Độ mở của lỗ cắt: 20mm - Thời gian cắt: 4.5 giây - Có van chữ Y
VTYT.019	Kim sinh thiết tự động tương thích với súng Magnum	Cái	Làm từ thép không gỉ 304, polycarbonate, Mobay Makrolon 2508 hoặc Makrolon 2558, Polyethylene trọng lượng nhẹ (LDPE), Polypropylene Homopolymer H20Z-00. Kim sinh thiết tự động. Đường kính 12G, 14G, 16G, 18G, 20G. Chiều dài 10cm, 13cm, 16cm, 20cm, 25cm, 30cm, độ sâu thâm nhập 15mm hoặc 22mm có thể điều chỉnh. Chiều dài mô cắt mẫu 19mm. Kim dùng được trên mô có vi vôi hoá, có thể bơm thuốc tê qua đầu kim sinh thiết.
VTYT.020	Bình dẫn lưu kín vết mổ	Cái	Bao gồm: Bình áp lực 3 lò xo dung tích 200 ml; 400ml, dây PVC, kết nối chữ Y, dây xả và trocar. - Bình áp lực 3 lò xo được thiết kế chống xẹp tối thiểu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo vô khuẩn khi dùng trong phòng mổ.

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.021	Quả dẫn lưu áp lực âm silicon 200 ml	Quả	Bộ dẫn lưu dịch vết mổ gồm: 01 túi bình chứa, hút áp lực âm áp lực -120± 5mmHg tự hồi không cần lò xo, dung tích 200cc có cổng dẫn lưu chứa van chống ngược một chiều chống trào ngược, cổng xả dịch. Chất liệu Silicon màu trắng trong suốt, có vạch kẻ chia thể tích. 01 túi dẫn dịch kèm trocar được làm bằng chất liệu thép không gỉ. Chiều dài dây khoảng từ 90 -140cm, phần dẫn dịch đục lỗ tròn đối với cỡ dây 10fr, đến 20fr, được xẻ rãnh với cỡ dây : Chất liệu Silicon màu trắng trong, có vạch cản quang trên thành ống. Tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương.
VTYT.022	Dây truyền dịch có van lọc khí truyền hóa chất	Bộ	Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Dây truyền dịch 20 giọt/ml có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Cửa bơm thuốc hình chữ Y có thể dùng được nhiều lần. - Chịu được áp lực đến 2 bar - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Màng lọc dịch 15 µm - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn
VTYT.023	Dây truyền dịch, kim 2 cánh bướm	Bộ	Dây truyền dịch kèm kim 2 cánh bướm. Van thoát khí có màng lọc khí vô khuẩn; Bầu nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc không chứa DEHP. Không có thành phần gây tan huyết. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu Polyvinyl chloride nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm.
VTYT.024	Dây dẫn lưu silicon vô trùng	Cái	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm . Được tiệt trùng
VTYT.025	Dây dẫn và thở oxy hai nhánh	Cái	Các cỡ XS, S, M, L (tương ứng sơ sinh, trẻ em, người lớn). Dây dẫn chính có chiều dài ≥2m lòng ống dẫn được thiết kế có rãnh chống gây gập, được sản xuất từ chất liệu Polyvinylchloride. Không chứa độc tố DEHP.
VTYT.026	Dây truyền máu	Bộ	Chất liệu ống: Polypropylene hoặc PVC - Dây dài ≥ 150cm, có khóa Luer Lock - Có kim 21G sắc nhọn vát 3 cạnh. - Bầu nhỏ giọt có màng lọc kỵ nước. - Bầu nhỏ giọt có phin lọc máu, kích thước lỗ lọc 200µm. - Không độc, không gây sốt, tỷ lệ phân hủy máu < 5%. Đóng gói vô trùng

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.027	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Cái	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock, được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, không chứa Latex, không chứa DEHP, dây mềm, chịu được áp lực cao. - Độ dài dây 75cm, đường kính ngoài 2.8mm, đường kính trong 1.5mm, thể tích chứa dịch của dây 1ml. - Đầu nối khóa ren, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. - Sản phẩm tiệt trùng 100%.
VTYT.028	Bộ dẫn lưu ổ bụng, áp xe, mật, thận các loại, các cỡ	Cái	- Chiều dài: Từ 25cm đến 30 cm; - Đường kính: Từ 6Fr đến 16Fr (6F, 7F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F); - Khả năng tương thích dây dẫn: 0.035 "; - Dẫn lưu làm bằng chất liệu polyurethanen - Phần xoắn dạng đuôi lợn với lỗ thông lớn - Hệ thống ma sát thấp, chống xoắn, tương thích sinh học cao, đàn hồi tốt - Hệ thống locking - Trọn bộ bao gồm: kim chọc sắc nhọn đầu hình tam giác, và dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu phủ Hydrophilic và khoá – locking
VTYT.029	Ống nuôi ăn truyền qua thành bụng	Cái	- Ống thông làm bằng silicone 100%, có bóng cố định ở đầu cuối dung tích 10ml. - Có dầu bôi trơn để dễ dàng đưa ống thông vào dạ dày - Ống có kích cỡ: tối thiểu từ 12 Fr đến 24Fr - Ống có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng giúp cho việc cố định bên trong dạ dày. - Có miếng chặn để cố định ống thông, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn - Đánh dấu chiều sâu từ sau bóng hơi 2-10 cm
VTYT.030	Túi hậu môn	Túi	Túi gồm 2 lớp: - Lớp bên trong: trong suốt, chứa chất thải, quan sát được hậu môn nhân tạo và dịch - Lớp bên ngoài: chất liệu vải không, mềm mỏng màu tối, không quan sát được bên trong. Có kẹp liền, có than hoạt tính để khử mùi. Kích thước túi: 15x28cm ($\pm 5\%$), thể tích chứa 650ml ($\pm 5\%$). Đế dán có 2 vòng bám dính gồm: -Đế hydrocolloid hoặc tương đương, tròn đường kính 9,5cm ($\pm 5\%$), độ dày đế 0,7-0,8mm, vòng cắt 15 - 60mm - Vòng dán băng kép y tế bo ngoài viền 1cm ($\pm 5\%$). Thời gian sử dụng 3 - 7 ngày.
VTYT.031	Túi đựng nước tiểu	Bộ	Dung tích $\geq 2000\text{ml}$, làm bằng nhựa y tế PVC, không độc hại, tiệt trùng. Có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T chống trào ngược. Phân vạch rõ ràng. Đảm bảo kín không rò rỉ. Đóng gói vô trùng.
Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter			
VTYT.032	Ống mở khí quản 2 nòng	Bộ	Bao gồm nút chặn, van một chiều, bóng chỉ thị, ống bơm hơi, ống dẫn, tấm cổ, đầu nối cuối máy, nắp bảo vệ, ống trong, ống ngoài, vòng bít, đai cố định, vải không dệt có lỗ. Size: 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.033	Sonde Foley 3 nhánh	Cái	Số 16-30 Fr - Không chứa DEHP gây ung thư. - Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên ,Phủ Silicon - Có bóng dung tích 30ml, bóng căng đều. - Lỗ thông tiểu tiểu lớn và trơn - Tráng silicon trong lòng ống - Tiết trùng.
VTYT.034	Sonde Foley 2 nhánh	Cái	Thông tiểu 2 nhánh.Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng 30ml đối xứng, bóng thiết kế đặc biệt chống vỡ, sond 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Số 16
VTYT.035	Ống dẫn lưu màng phổi	Cái	*Ống thông phổi kèm nòng sắt giúp dễ chọc và có co nối đi kèm * Nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm chống xoắn, không Latex. * Có 2 lỗ thoát dẫn lưu, đầu xa có co nối tapered để kết nối với bình dẫn lưu * Có vạch chia 5, 10, 15. 20 cm từ đầu xa giúp xác định vị trí đặt ống . * Đầy đủ kích cỡ: 8F; 10F;12F;14F;16F;24F
VTYT.036	Dây hút nhót	Cái	Các số từ 5 - 18. Được kết cấu 02 phần: Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu Polyvinyl chloride. Độ dài ≥ 50 cm. Khóa van các cỡ có đầu gen để kết nối với các thiết bị phụ trợ chuyên dụng.
VTYT.037	Con sâu máy thở	Cái	- Chất liệu bằng nhựa PVC- Dạng lò so, dùng cho máy thở - Đường kính đầu nối trên: Đường kính trong 15mm, đường kính ngoài 22mm - Đường kính đầu nối dưới 15mm - Cổng lấy khí có nắp đậy cố định. Sản phẩm được tiệt trùng.
VTYT.038	Ống thông niệu quản/Sonde JJ	Bộ	Chất liệu nhựa Polyurethan, dài 26cm, 2 đầu mở hình chữ J, các cỡ từ số 5 đến số 8. Tiệt trùng bằng khí EO. Dùng dẫn lưu thận, niệu quản, bàng quang trong trường hợp mổ sỏi thận, hẹp niệu quản. Bộ gồm Sond JJ, dây dẫn đường.
Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật			
VTYT.039	Chỉ không tiêu Nylon số 2/0	Sợi	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liên kim số 2/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm. Đóng gói vô trùng
VTYT.040	Chỉ không tiêu Nylon số 4/0	Sợi	Chỉ không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 4/0 dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8, dài 19mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng
VTYT.041	Chỉ không tiêu Nylon số 5/0	Sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 5/0 dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim phủ silicone
VTYT.042	Chỉ không tiêu Nylon số 6/0	Sợi	Chỉ không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 6/0 dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8, dài 12mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng
VTYT.043	Chỉ tơ phẫu thuật	Cuộn	100% bằng sợi cotton, sợi chỉ rất bền màu đặc biệt rất dai và bề mặt sáng bóng. trọng lượng 20 gram/ cuộn

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.044	Chỉ không tiêu Polypropylene số 3/0	Sợi	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 3-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.
VTYT.045	Chỉ không tiêu Polypropylene số 4/0	Sợi	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 4-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 22mm và 17mm kim cong 1/2 và kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.
VTYT.046	Chỉ không tiêu Polypropylene số 5/0	Sợi	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 5-0, dài 90cm, 75cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm và 13mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.
VTYT.047	Chỉ không tiêu Polypropylene số 6/0	Sợi	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 6-0, dài 75cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn, dài 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.
VTYT.048	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 1/0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 1 dài ≥ 90 cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim được phủ silicon và thép không gỉ. Chất liệu Polyglycolic acid được bao phủ Polycaprolactone and Calcium Stearate. Đóng gói vô trùng
VTYT.049	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 2/0	Sợi	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng
VTYT.050	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 3/0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp liền kim đa sợi Polyglactin 910 được bao phủ bởi polyglactin và calcium stearate, số 3/0, dài ≥ 75 cm. Kim làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26mm, kim 1/2. Đóng gói vô trùng
VTYT.051	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 4/0	Sợi	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Đóng gói vô trùng
VTYT.052	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 5/0	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền cấu tạo Polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid+ 10% Polylactic acid) số 5/0 dài ≥ 70 cm, vỏ bọc sợi chỉ Poly + calcium stearate. Kim bằng thép không gỉ, phủ silicon, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17 mm.
VTYT.053	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 6/0	Sợi	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 6/0, dài ≥ 45 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 12mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng
Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa			

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.054	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô mạch máu và mô mỏng, chiều dài 45mm	Cái	Băng ghim cắt khâu dùng cho mổ nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 45mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mạch máu và mô mỏng, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 3mm - 2.5mm - 2mm; Khoảng đóng mô là 1.5mm - 0.88mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Băng ghim kèm lưỡi dao cắt
VTYT.055	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/ dày, chiều dài 60mm	Cái	Băng ghim cắt khâu dùng cho mổ nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 60mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình/ dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; Khoảng đóng mô là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Băng ghim kèm lưỡi dao cắt
VTYT.056	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/ dày, chiều dài 45mm	Cái	Băng ghim khâu cắt nội soi dùng cho mô trung bình và dày công nghệ trisaple, chất liệu ghim Titanium, Băng ghim kèm lưỡi dao cắt, băng ghim có thể gấp góc 45 độ mỗi bên. Đặc tính: Chiều dài băng ghim 45 mm có 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao khác nhau, chiều cao ghim dập lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm – 3,5mm – 3mm; khoảng đóng ghim là 2.25mm - 1.5mm.
VTYT.057	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa có 3 hàng ghim chiều cao thay đổi mỗi bên	Cái	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mổ mở . Băng ghim màu tím dài 80mm, 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao lần lượt từ trong ra ngoài là 3mm-3.5mm-4mm. Khoảng đóng ghim 1.5mm-2.25mm
VTYT.058	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mổ mở	Cái	Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ định hướng ghim dập. Chiều dài băng ghim là 80mm, 2 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim khi mở là 3.8mm; Chiều cao ghim dập xuống là 1.5mm. Băng ghim kèm lưỡi dao cắt.
VTYT.059	Bộ đặt thông nuôi ăn qua thành bụng	Bộ	Bộ dụng cụ gồm có: - Bộ kim khâu cố định da và dạ dày, tổng chiều dài ≥ 230 mm, chiều dài làm việc ≥ 80 mm, kích thước kim khâu 18G hoặc 20G. - Bộ kim mở đường bao gồm: mũi kim an toàn có chụp bảo vệ, tự động chụp mũi kim lại. - Ống thông nuôi ăn dạ dày kiểu bóng chất liệu silicone, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu, tắc cổ định bên ngoài có thể khóa ống thông theo phương thẳng đứng hoặc theo phương nằm ngang, dung tích bóng ≥ 10 ml. - Kích thước: ống thông: có tối thiểu cỡ 18Fr hoặc 20Fr, chiều dài ống thông: ≥ 22 cm.
VTYT.060	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa nội soi	Cái	Dụng cụ cắt khâu nối đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi trục dài 16cm, tích hợp với tất cả các loại băng ghim cắt khâu nối nội soi tương thích. Có khả năng gấp góc 45 độ mỗi bên, với 05 điểm gấp góc mỗi bên. Dụng cụ cắt khâu nội soi, lắp được tất cả các băng ghim tương thích kích cỡ khác nhau.
VTYT.061	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mổ mở 3 hàng ghim	Cái	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa dùng cho mổ mở . Dùng cho băng ghim màu tím dài 80mm, 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao lần lượt từ trong ra ngoài là 3mm-3.5mm-4mm. Khoảng đóng ghim 1.5mm-2.25mm
VTYT.062	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mổ mở	Cái	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng cho mổ mở. Dùng với băng ghim mổ mở cỡ 80mm, có chiều cao ghim 3.8mm. Chiều cao ghim đóng xuống 1.5mm Thiết kế có chốt an toàn giữ lưỡi dao trước và sau khi bắn. Tay cầm phủ cao su nhám có rãnh với nút tháo nhanh.

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.063	Dụng cụ (máy) khâu cắt tự động dùng trong phẫu thuật mở mổ các cỡ	Cái	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối tự động dùng trong phẫu thuật mở mổ, gồm một tay súng cỡ 60mm hoặc 80mm đi kèm 1 băng ghim tương ứng dài 60mm, 80mm. Chiều cao ghim khi mở từ 3.8 mm, chiều cao ghim khi đóng: 1.5mm. Tay súng gọn nhẹ phủ cao su chống trượt. Được làm bằng thép không gỉ. Tương thích với băng ghim cùng loại.
VTYT.064	Dụng cụ khâu nối tròn tiêu hóa các cỡ, có 3 hàng ghim chiều cao thay đổi	Cái	Dụng cụ khâu nối tròn chất liệu ghim titanium, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa. Chiều dài thân dụng cụ: 22cm, 35cm. Các cỡ đường kính tròn: 28mm, 31mm tương ứng với số lượng ghim là 39, 45. Chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Đầu đe thiết kế nghiêng dễ dàng tháo rời, dạng cốc áo. Công nghệ định hướng ghim đập đúng chiều, Thân ghim hình chữ nhật, với lực đi theo 1 chiều cố định, dễ dàng tạo hình chữ B chuẩn để cầm máu tốt hơn .
VTYT.065	Dụng cụ cắt khâu nối tiêu hóa tự động tròn	Cái	Dụng cụ cắt khâu nối tròn chiều dài thân dụng cụ 22cm, 2 hàng ghim, chất liệu ghim titanium, đường kính các cỡ 25mm; 28mm; 31mm; 33mm. Số lượng ghim lần lượt là 22 ghim; 26 ghim; 30 ghim; 32 ghim. Chiều cao ghim khi mở là 3.5mm; 4.8mm Chiều cao ghim đập xuống là 1.5mm; 2mm. Kích thước ghim: chiều rộng lưng ghim 4.0mm, thân ghim hình hộp chữ nhật: 0.35mm x 0.24mm. Đầu đe được thiết kế dạng cốc áo dễ tháo rời.
VTYT.066	Dụng cụ (máy) khâu nối ống tiêu hóa tròn, sử dụng 1 lần cỡ 29mm, loại có đầu đe nghiêng sau khi đóng mô.	Cái	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối ống tiêu hóa tự động tròn các cỡ 29mm với tính năng an toàn kép , 2 hàng ghim, số lượng ghim 24 ghim. Chiều cao ghim trước khi đóng là 4.8mm, sau khi đóng là 2.0mm. Đường kính ghim: 0.28mm. Chiều dài trục dụng cụ là 185mm, đường kính lòng ống nối 20mm, phần đầu đe có lỗ thông hơi, nghiêng sau khi đóng mô. Có cửa sổ hiển thị cho phép lựa chọn chiều cao ghim đa dạng, ghim tạo hình chữ B chuẩn khi vạch đỏ nằm giữa cửa sổ hiển thị. Núm xoay phía đuôi dụng cụ dạng hai cánh lệch nhau giúp đếm một vòng hoặc một nửa vòng dễ dàng hơn. Ghim làm bằng titanium, đầu đe và lưỡi dao làm bằng thép không gỉ.
VTYT.067	Dụng cụ (máy) khâu nối ống tiêu hóa tự động tròn sử dụng 1 lần cỡ 32mm, loại có đầu đe nghiêng sau khi đóng mô.	Cái	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối ống tiêu hóa tự động tròn các cỡ 32mm với tính năng an toàn kép , 2 hàng ghim, số lượng ghim 30 ghim. Chiều cao ghim trước khi đóng là 5.0mm, sau khi đóng là 2.2mm. Đường kính ghim: 0.28mm. Chiều dài trục dụng cụ là 185mm, đường kính lòng ống nối 24mm, phần đầu đe có lỗ thông hơi, nghiêng sau khi đóng mô. Có cửa sổ hiển thị cho phép lựa chọn chiều cao ghim đa dạng, ghim tạo hình chữ B chuẩn khi vạch đỏ nằm giữa cửa sổ hiển thị. Núm xoay phía đuôi dụng cụ dạng hai cánh lệch nhau giúp đếm một vòng hoặc một nửa vòng dễ dàng hơn. Ghim làm bằng titanium, đầu đe và lưỡi dao làm bằng thép không gỉ.
VTYT.068	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	Cái	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch bao gồm vỏ có van chống trào máu kiểu cắt ngang, dây dẫn có lõi nhựa ái nước. Đầu thẳng và đầu J. - Kích cỡ: đường kính 6F và 7F - Chất liệu: lớp vỏ bằng ETFE - Có lớp ái nước hydrophilic plastic. Các cỡ: 6F dài 250mm; 6F dài 120mm; 7F dài 120mm



Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.069	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Cái	Bộ dụng cụ mở đường quay bao gồm: vỏ, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Vỏ được thiết kế độ cân quan tốt đồng thời giúp tăng lực đẩy cũng như độ trơn mượt trong mạch máu. Có van cầm máu an toàn. - Các cỡ 5F, 6F dài 7cm; 11cm và 16cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Chiều dài que nong: 110mm, 169mm; riêng cỡ 6F có thêm chiều dài 560mm - Dây dẫn đường làm bằng thép không gỉ, đường kính 0.021" dài 45cm, - Kim chọc mạch cỡ 21G x 4cm
VTYT.070	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Cái	Bao gồm các thành phần sau : . Kim catheter chọc mạch cỡ 18G . Guide wire nhỏ cỡ 0.035" x 45cm . Bơm tiêm 2.5ml . Introducer Sheath . Delator Đặc điểm, Hình dạng : . Sheath ôm khít Delator, mỏng . Guide wire dài 0.035" dài 45cm để dẫn đường cho Delator và- Sheath . Van cầm máu hình chữ thập. Kích thước: Cỡ, 5F, 6F, 7F, 8F dài 10cm Vật liệu : Sheath được phủ lớp ái nước
VTYT.071	Dây dẫn đường cho Catheter ái nước	Cái	Kích thước: cỡ 0.035 inch, dài 150cm. Đặc điểm, Hình dạng : Dài 150cm đầu thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J, phần đầu linh hoạt dài 3, 5, 8cm. Vật liệu: dây lõi kim loại, lõi dây làm bằng Nitinol, ngoài là Polyurethane, lớp áo Tungsten, phủ ngoài cùng bằng lớp ái nước.
VTYT.072	Clip mạch máu (Hemoclip)	Cái	Tay cầm có thiết kế khóa an toàn Xoay 360 độ, 2 chiều Kẹp có thể đóng mở nhiều lần Độ mở kẹp 11 mm - 16 mm Chiều dài làm việc 1950mm - 2300mm Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm Sử dụng cho kênh sinh thiết $\geq 2.8\text{mm}$ Độ mở clip 135 độ Tay cầm chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene
VTYT.073	Túi nâng ngực	Cái	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn. - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp: lớp Methyl (bên trong) mang lại cấu trúc toàn vẹn, lớp Phenyl ở giữa kỵ nước cản trở sự khuếch tán Gel, lớp Methyl (bên ngoài) củng cố cấu trúc toàn vẹn. - Gel Silicone kết dính nằm trong một lớp vỏ siêu mỏng - Thể tích: 130cc, 160cc, 190cc, 215cc, 240cc, 270cc, 295cc, 325cc, 350cc, 370cc, 405cc, 150cc, 180cc, 200cc, 235cc, 260cc, 285cc, 335cc, 355cc, 380cc, 415cc - Độ nhô cao và trung bình cao - Tiệt khuẩn

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác			
VTYT.074	Clip kẹp mạch máu polymer các cỡ	Cái	*Chất liệu: clip chất liệu Polymer, ví chất liệu nhựa ABS; dùng cho mổ mở và mổ nội soi * Có khóa. Có 4 cỡ: M, ML, L và XL M: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 2 mm - 7 mm ML: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 3 mm - 10 mm L: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 5 mm - 13 mm XL: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 7 mm - 16 mm
VTYT.075	Clip kẹp mạch máu Titanium các cỡ	Cái	Clip mạch máu Titan. Kẹp làm từ chất liệu titanium tinh khiết. Hình chữ V, có rãnh ngang nhỏ trên thân giúp tại các vị trí kẹp mạch máu giúp kẹp bám giữ vào mạch và mô tốt hơn tránh trơn trượt. Tương thích với MRI và chẩn bức xạ. Các cỡ: * cỡ S: chiều cao clip khi đóng: 3.7mm, chiều cao clip khi mở: 3.5mm, đường kính clip: 4.0mm. * cỡ M: Chiều cao clip khi đóng: 6.0mm, chiều cao clip khi mở: 5.0mm, đường kính clip: 6.2mm. * cỡ ML: Chiều cao clip khi đóng: 9.0mm, chiều cao clip khi mở: 8.0mm, đường kính clip: 8.5mm. * cỡ L: Chiều cao clip khi đóng: 12.4mm, chiều cao clip khi mở: 9.8mm, đường kính clip: 11.6mm.
VTYT.076	Kìm sinh thiết một lần	Cái	Thiết kế đa dạng: kìm sinh thiết có kim hoặc không kim; ngàm hình oval hoặc hình tròn. Chiều dài làm việc 160cm, tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. Kìm sinh thiết đường mũi: Kìm sinh thiết có kim hoặc không kim; được phân biệt bằng màu đỏ và màu vàng; ngàm hình oval hoặc hình ngàm cá sấu. Khớp nối đầu kìm dạng đỉnh tán, chắc chắn khi sinh thiết. Chiều dài làm việc 160cm, đường kính 1.8mm tương thích với kênh làm việc 2.0mm.
VTYT.077	Thòng lọng cắt polyp	Cái	Tay cầm được thiết kế 3-ring giúp điều hướng và sử dụng một cách dễ dàng. Thòng lọng được thiết kế hình Oval, tay cầm bằng nhựa. Chiều dài làm việc 230cm, đường kính vỏ 2.3mm, độ mở loop từ 10-36mm. Thòng lọng cỡ bé: Tay cầm 3 vòng dễ kéo và điều khiển, vòng kéo được thiết kế rời có thể xoay được, cáp kết nối độc lập đặt tại 2 vòng còn lại của tay cầm tránh việc cáp nối máy cắt đốt di chuyển ảnh hưởng đến độ mở của thòng lọng. Thòng lọng được thiết kế hình Oval, tay cầm bằng nhựa Ergonomic. Chiều dài làm việc 230cm, đường kính vỏ 2.3mm, độ mở loop 15mm. Tương thích với kênh làm việc 2.8mm Tiêu chuẩn ISO 13485
VTYT.078	Kìm sinh thiết một lần	Cái	Với đường cắt tối ưu của kìm sinh thiết cho phép người sử dụng lấy mẫu sinh thiết tối đa một cách an toàn và dễ dàng. Thiết kế đa dạng: kìm sinh thiết có kim hoặc không kim; ngàm hình oval hoặc hình tròn. Chiều dài làm việc 230cm, tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. Khớp nối đầu kìm dạng đỉnh tán, chắc chắn khi sinh thiết. Chiều dài làm việc 230cm, đường kính 2.3mm, tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.
VTYT.079	Vòng loop	Cái	Lọng thắt cuống polyp cầm máu đường tiêu hóa được thiết kế vòng tròn đôi; tách rời với tay sử dụng. Độ mở 30mm; 40mm. Độ cao: 55mm; 70mm

Mã số	Tên VTYT	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
VTYT.080	Keo sinh học	Lọ/Ống/Tuyp	Keo sinh học, dùng dán mô, dán mạch máu, Thành phần gồm chất kết dính mô N-butyl-2-cyano acrylate, dung tích 0,5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
VTYT.081	Gel bôi vết thương hở, ngăn ngừa hình thành sẹo	Tuýp	Thành phần: Nước, Sodium Acrylate Copolymer, Elastin thủy phân, Vitamin E, Sodium hyaluronate, Panthenol. Chiết xuất thảo dược từ dầu hạt Maca, Bơ Shea (Shea Butter), quả Hắc Mai Biển, rễ Liên Mộc, hạt Dẻ Ngựa.
VTYT.082	Vật liệu cầm máu tự tiêu Surgicel	Miếng	Thành phần bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 10 x 20 cm
VTYT.083	Băng keo thun co giãn 8cm x 4.5m	Cuộn	Băng thun màu trắng, cotton 100%, trọng lượng 140+/-7g/m2, co giãn $\geq 90\%$, keo Zinc oxide không dùng dung môi, trọng lượng khối phủ 100-130g/m2, lực dính 2-9 N/cm, có kiểm tra vi sinh
VTYT.084	Dung dịch súc/xịt họng	Chai/ Lọ	Thành phần: Nước tinh khiết, Natri Hyaluronat. Glycine, I-Proline, L-Leucine, L-Lysine HCl, Methyl Parahydroxybenzoate, Propyl Parahydroxybenzoate, Propylene Glycol
VTYT.085	Bao cao su	Cái	Bao cao su được sản xuất từ chất liệu cao su
VTYT.086	Miếng dán cố định buồng tiêm truyền	Miếng	Băng ép polyfilm 12cm x 14cm hai mặt dán, mặt film trong suốt giữ ổn định kim. Hoặc tương đương.
	Tổng: 86 khoản mục		

PHỤ LỤC 2. NỘI DUNG HỒ SƠ PHÁP LÝ, NĂNG LỰC

CÔNG TY VÀ HỒ SƠ SẢN PHẨM

I. HỒ SƠ PHÁP LÝ, NĂNG LỰC CÔNG TY

Hồ sơ pháp lý của Nhà cung cấp đảm bảo các nội dung sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng hoá thuộc phạm vi phù hợp với sản phẩm dự kiến cung ứng.
3. Chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn.
4. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” đối với Nhà cung cấp mặt hàng thuốc đồng thời là Nhà sản xuất.
5. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) đối với hàng hoá cung ứng là thuốc.
6. Bản cam kết về chất lượng và tiến độ cung ứng hàng hoá cho Nhà thuốc bệnh viện.

II. HỒ SƠ SẢN PHẨM

1. Hồ sơ sản phẩm thuốc bao gồm:

- Giấy phép lưu hành sản phẩm: Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hoặc cam kết số lượng có thể cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Giấy uỷ quyền từ đơn vị trúng thầu hoặc nhà sản xuất (nếu có).
- Bảng kê khai giá thuốc.
- Bảng báo giá.
- Phiếu kiểm nghiệm: Phải đạt tiêu chuẩn chất lượng do Cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc xác nhận Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký thuốc đã nộp tại Cục Quản lý Dược.
- Quyết định trúng thầu hoặc Hợp đồng trúng thầu tại cơ sở y tế công lập thông qua đấu thầu rộng rãi còn hiệu lực.

2. Hồ sơ sản phẩm Vật tư y tế bao gồm:

- Giấy phép lưu hành sản phẩm: Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hoặc cam kết số lượng có thể cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Giấy uỷ quyền từ đơn vị trúng thầu hoặc nhà sản xuất (nếu có).
- Kê khai giá.
- Bảng báo giá.

- Phiếu kiểm nghiệm: Phải đạt tiêu chuẩn chất lượng do Cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Catalog, mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam: Nhãn hàng hóa: theo đúng quy định hiện hành.

- Quyết định trúng thầu hoặc Hợp đồng trúng thầu tại cơ sở y tế công lập thông qua đấu thầu rộng rãi còn hiệu lực.

- Trường hợp không cung cấp được Quyết định trúng thầu thì căn cứ giá theo: 3 Hợp đồng tương tự do Công ty thực hiện hoặc 3 hoá đơn bán hàng cho các cơ sở y tế công lập tuyển tính trở lên (trong vòng 12 tháng).

III. Quy định trình bày Hồ sơ.

1. Hồ sơ pháp lý, năng lực công ty được đóng riêng 1 quyển, mỗi nhà cung cấp chỉ in 1 quyển Hồ sơ pháp lý, năng lực.

2. Mỗi hồ sơ sản phẩm được đóng riêng 1 quyển.

IV. File mềm Mẫu Danh mục sản phẩm đề nghị xét chọn như sau:

1. Sản phẩm là thuốc.

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/Số GPNK	Cơ sở sản xuất, nước sản xuất	Giá kê khai	Đơn giá đề nghị xét chọn (có VAT)	Số Quyết định trúng thầu	Đơn giá theo QĐ trúng thầu	Nơi ban hành QĐ	Ngày ban hành QĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1																	
2																	
3																	
...																	

2. Sản phẩm là Vật tư y tế

STT	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	SĐK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá Kê Khai	Đơn giá đề nghị xét chọn (có VAT)	Số Quyết định trúng thầu	Đơn giá theo QĐ trúng thầu	Nơi ban hành QĐ	Ngày ban hành QĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
3													
...													

- Trường hợp không cung cấp được Quyết định trúng thầu thì căn cứ giá theo: 3 Hợp đồng tương tự do Công ty thực hiện hoặc 3 hoá đơn bán hàng cho các cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh trở lên (trong vòng 12 tháng) thì Số hợp đồng hoặc hoá đơn bán hàng điền thông tin thay thế cột số 11; 12; 13; 14 của mẫu trên.

- Trường hợp công ty bổ sung thêm các mặt hàng đang kinh doanh tương tự các mặt hàng mời quan tâm, phù hợp với nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện Ung bướu để bệnh viện tham khảo, xét chọn thì lập File riêng, các thông tin cung cấp theo mẫu như trên.

